

Số: /GPMT-KCNKKT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH Coherent Việt Nam (Đồng Nai) do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Coherent Việt Nam (Đồng Nai) tại Văn bản số 01/COHERENT đề tháng 10 năm 2025 đề nghị điều chỉnh giấy phép môi

trường và Văn bản giải trình số 1711/COHERENT đề ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc giải trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp (nay là Ban Quản lý Khu công nghiệp, khu kinh tế) tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Coherent Việt Nam (Đồng Nai), có địa chỉ tại KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thuê Nhà xưởng 2A – 1.F1, F2 và 2B – 2.F1, F2 và 3B – 2.F1, F2 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật và Gốm sứ Kim Trúc Đồng Nai), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Điều 2. Công ty TNHH Coherent Việt Nam (Đồng Nai) tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này (cấp điều chỉnh lần 1).

Điều 3. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 1) có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật và Sản xuất Gốm sứ Kim Trúc Đồng Nai;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT tỉnh;
- Lưu: VT, MT (Tr.L).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2025 của Trưởng ban Ban Quản lý
các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

1. Điều chỉnh, cập nhật thông tin chung của dự án tại Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024:

- Điều chỉnh Điều 1 của Giấy phép môi trường thành:

“Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Coherent Việt Nam (Đồng Nai) (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án nhà máy sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học (kính các loại, bộ phận dụng cụ phân tách, kết hợp chia tia sáng), quy mô 5.354.000 sản phẩm/năm, tương đương 21,541 tấn sản phẩm/năm” tại đường Trần Phú, KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thuê Nhà xưởng 2A – 1.F1, F2 và 2B – 2.F1, F2 và 3B – 2.F1, F2 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật và Gốm sứ Kim Trúc Đồng Nai) với các nội dung sau:”

- Điều chỉnh mục 1.2 và mục 1.3 Điều 1 của Giấy phép môi trường thành:

“1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng 2A – 1.F1, F2 và 2B – 2.F1, F2 và 3B – 2.F1, F2 (thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật và Gốm sứ Kim Trúc Đồng Nai đến ngày 31 tháng 5 năm 2034), đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3603958944 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2024, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 30 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.”

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

Điều chỉnh làm rõ thông tin đối với nguồn nước thải được thu gom tại khoản 1.1, mục 1, Phần B, Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024, cụ thể như sau:

“1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa sản phẩm (**rửa trước và sau khi mài thô, mài bóng; làm sạch sản phẩm bằng máy bắn cát, máy làm sạch bằng sóng siêu âm,...**) có tính kiềm, chất rắn lơ lửng tại nhà xưởng 2 với lưu lượng khoảng 36 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 40 m³/ngày để xử lý trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN thông qua hệ thống thu gom nước thải chung của Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật và Sản xuất Gốm sứ Kim Trúc Đồng Nai tại hố ga đầu nối nước thải sản xuất tại nhà xưởng 2 (hố ga số 02 – đảm bảo công tác giám sát). ”

3. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

a) Điều chỉnh, bổ sung nguồn phát sinh khí thải tại Mục 1, Phần A Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 thành:

“1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hơi dầu từ quá trình cắt;
- Nguồn số 02: Bụi từ công đoạn phun cát và nổ cát;
- Nguồn số 03: Bụi từ quá trình vệ sinh, bảo trì máy phủ bóng;
- Nguồn số 04: Bụi từ công đoạn làm sạch.”

b) Điều chỉnh dòng khí thải, vị trí xả thải, lưu lượng xả khí thải, chất lượng xả khí thải tại khoản 2.2, Mục 2 Phần A Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 thành:

“2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 1: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình vệ sinh, bảo trì máy phủ bóng (nguồn số 03) và bụi sinh từ công đoạn làm sạch, công suất 3.500 m³/giờ (nguồn số 04). Toạ độ vị trí xả khí thải X= 1.188.273; Y = 409.529.

- Dòng khí thải số 2: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phun cát và nổ cát, công suất 8.000 m³/giờ (nguồn số 02). Toạ độ vị trí xả khí thải X= 1.188.138, Y = 409.567.

(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 30).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả thải lớn nhất 3.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả thải lớn nhất 8.000 m³/giờ.”

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_v = 0,8, K_p = 1,0), QCVN 20:2009/BTNMT và QCVN 19:2024/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B (K _p = 1,0; K _v = 0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT	QCVN 19:2024/ BTNMT, Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
1	Ống phát thải Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình vệ	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	- Tần suất quan trắc định kỳ: Không
		Bụi tổng	mg/Nm ³	-	≤ 80	

	sinh, bảo trì máy phủ bóng và công đoạn làm sạch, công suất 3.500 m ³ /giờ (nguồn số 03 và 04: Dòng khí thải số 01)					thuộc đối tượng - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phun cát và nổ cát, công suất 8.000 m ³ /giờ (nguồn số 02: dòng khí thải số 02)	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	
		Bụi tổng	mg/Nm ³	160	≤ 80	

Lưu ý:

- Đối với các nguồn xả khí thải bên trong nhà xưởng (nguồn số 01): Phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy chuẩn của pháp luật hiện hành.

- Chủ dự án phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Đối với dòng khí thải số 01: Đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (trong trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường).

+ Đối với dòng khí thải số 02: Đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kv = 0,8; Kp = 1,0) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 và QCVN 19:2024/BTNMT, cột B từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 (trong trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường)."

c) Điều chỉnh, bổ sung yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải tại mục 1 Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 thành:

"1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình vệ sinh, bảo trì máy phủ bóng (nguồn số 03) và bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch (nguồn số 04) được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 3.500 m³/giờ bằng ống hút thu gom có đường kính Φ300 mm, Φ400 mm, Φ600 mm và Φ800 mm.

- Bụi phát sinh từ công đoạn phun cát và nổ cát (nguồn số 02) được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 8.000 m³/giờ bằng ống hút thu gom có đường kính Φ140 mm, Φ230 mm và Φ300 mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải (02 hệ thống xử lý bụi có chung công nghệ xử lý):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Đường ống → Thiết lọc túi vải → Quạt hút → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý số 01 (dòng khí thải số 01): 3.500 m³/giờ.

+ Hệ thống xử lý số 02 (dòng khí thải số 02): 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.”

d) Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vận hành thử nghiệm tại mục Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 thành:

“2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình vệ sinh, bảo trì máy phủ bóng và bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch, công suất thiết kế 3.500 m³/giờ.

- 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phun cát và nổ cát, công suất thiết kế 8.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí, tương ứng với 02 ống thoát của 02 hệ thống xử lý bụi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A 2.2.2 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải (tổng 6 mẫu bụi, khí thải đầu ra).”

4. Điều chỉnh yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Điều chỉnh giảm chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại Phần A Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 thành:

“1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<i>STT</i>	<i>Tên chất thải</i>	<i>Trạng thái tồn tại</i>	<i>Mã chất thải</i>	<i>Phân loại chất thải</i>	<i>Số lượng (kg/năm)</i>
1	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	200
2	Bùn mài và đánh bóng thủy tinh có các thành phần nguy hại	Bùn	06 01 03	NH	5.000
3	Vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài...)	Rắn	07 03 08	KS	5.000
4	Dung dịch nước tẩy rửa có các thành phần nguy hại	Lỏng	07 01 06	KS	10.000
5	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	50
6	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	07 01 10	KS	5.000
7	Bùn thải nghiền, mài có dầu	Bùn	07 03 09	NH	13.400
8	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	500
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	KS	2.000
10	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	1.000
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	4870
12	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, bảng mạch điện tử	Rắn	19 02 06	NH	50
13	Nước thải có các thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất	Lỏng	19 10 01	KS	4.700
Tổng khối lượng					51.770

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

- Công ty TNHH Coherent Việt Nam (Đồng Nai) tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung điều chỉnh và thể hiện trong hồ sơ vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

- Thực hiện các biện pháp để kiểm soát vận hành của các công trình xử lý chất thải và chịu trách nhiệm hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm về giới hạn tiếp nhận và lưu lượng xả thải.

- Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng phải bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia theo nội dung được cấp phép tại Phần A 2.2.2 Phụ lục 2 đã được điều chỉnh.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý chất thải.

- Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 112/GPMT-KCNĐN ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**